

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Dũng.

2. Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị N, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An. “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường hay uống rượu về đánh đập chị nhiều lần. Từ đó chị bỏ nhà đi và anh chị ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Thời gian ly thân anh chị không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 25-01-2011, hiện tại cháu P đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, chị đồng ý anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và qua làm việc tại Tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian vợ chồng chung sống, việc vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung chị N trình bày tất cả đều đúng.

Về mâu thuẫn nguyên nhân là do anh có uống rượu và đánh chị N một hai lần. Từ đó chị N bỏ nhà đi, nên anh chị ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Thời gian ly thân anh chị không gặp nhau bàn bạc gì cả. Nay anh nhận thấy còn thương chị N và thương con nên anh yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Nếu tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, thì anh đồng ý để chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hồ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do là không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H. Về con chung: Giao cháu P cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, Ghi nhận anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được; Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do là không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau vào năm 2010, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Nên hôn nhân của anh chị

hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Ngọc có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu và đánh chị N nhiều lần. Anh chị có thời gian dài ly thân là từ năm 2015 cho đến nay, mà anh chị không có bàn bạc với nhau về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập anh H hợp lệ nhiều lần đến dự phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không lý do, chứng tỏ rằng anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Qua làm việc cháu P có nguyện vọng được sống với chị N nên giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 25-01-2011, là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Tại phiên tòa chị N và anh H vắng mặt, nhưng qua làm việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được, chị N đồng ý nên Tòa ghi nhận là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, anh H chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị N với anh Nguyễn Văn H. Chị N được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 25-01-2011. Ghi nhận anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lại thu số 0013314 ngày 10-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H không thi hành thì hàng tháng anh H còn phải trả số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- UBND xã D;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

